

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BINH VÀ XÃ HỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2007/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2007

THÔNG TƯ

**hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo
Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ
về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần**

Thực hiện Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định 109/2007/NĐ-CP); sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này được áp dụng đối với người lao động đang làm việc tại công ty nhà nước, đơn vị hạch toán phụ thuộc của công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

2. Thời gian được tính để chia số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi bằng tiền

theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP và giá trị tài sản dùng cho sản xuất kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP là tổng số năm (đủ 12 tháng) thực tế làm việc của người lao động tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đó đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Phần thặng dư của tổng số năm thực tế làm việc để tính chia số dư các quỹ nêu trên do doanh nghiệp quyết định.

3. Người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP là người có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, bao gồm:

a) Các chức danh quản lý doanh nghiệp không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động;

b) Người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả người lao động tuyển dụng trước ngày 30/8/1990 mà chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động);

c) Người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng;

d) Người lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, chờ việc theo quyết định của giám đốc doanh nghiệp.

4. Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hóa trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

5. Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:

a) Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách Nhà nước;

b) Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);

c) Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

6. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là thời điểm khóa sổ kế toán, lập báo cáo tài chính để xác định giá trị doanh nghiệp.

7. Thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

II. GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Khi có quyết định của cơ quan có

thẩm quyền về việc công bố giá trị doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp chỉ đạo Tổ giúp việc lập phương án sử dụng lao động (trong phương án cổ phần hóa), trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP và giải quyết chế độ cho người lao động như sau:

1. Lập phương án sử dụng lao động

a) Lập danh sách lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo biểu mẫu số 1 đính kèm Thông tư này, bao gồm:

- Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động (Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước; Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ);

- Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả lao động tuyển dụng trước ngày 30/8/1990 nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động);

- Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng;

- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 03 tháng.

b) Lập danh sách lao động đủ điều kiện nghỉ hưu (theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc) tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp;

c) Lập danh sách lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, bao gồm: hết hạn hợp đồng lao động; tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động hoặc lý do khác theo quy định của pháp luật tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp;

d) Lập danh sách lao động không bố trí được việc làm ở công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp;

đ) Lập danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần, bao gồm:

- Số lao động đang thực hiện hợp đồng lao động còn thời hạn (bao gồm cả số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động) mà không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 mục II Thông tư này;

- Số lao động đang nghỉ theo các chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) mà hợp đồng lao động còn thời hạn.

Danh sách lao động từ điểm a đến điểm đ trên đây do doanh nghiệp cổ phần hóa tự lập và tổng hợp vào phương án sử dụng lao động theo biểu mẫu số 2 đính kèm Thông tư này.

2. Giải quyết chính sách đối với người lao động

a) Đối với người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo điểm b khoản 1 mục II Thông tư này thì Giám đốc doanh nghiệp cổ phần hóa và cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội (gọi tắt là cơ quan Bảo hiểm xã hội) giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định của pháp luật;

b) Các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động theo điểm c khoản 1 mục II Thông tư này thì Giám đốc doanh nghiệp cổ phần hóa giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động (nguồn kinh phí lấy từ quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, nếu còn thiếu thì doanh nghiệp đề nghị Nhà nước hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính) và có trách nhiệm làm đầy đủ các thủ tục để cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định của pháp luật;

c) Đối với số lao động không bố trí được việc làm theo điểm d khoản 1 mục II Thông tư này thì giải quyết như sau:

- Người lao động thuộc đối tượng của Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư thì giải quyết theo quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP và Thông tư số 18/2007/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

- Người lao động không thuộc đối tượng của Nghị định số 110/2007/NĐ-CP thì được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm theo quy định của Bộ luật lao động (Điều 17 Bộ luật lao động). Nguồn kinh phí lấy từ quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, nếu còn thiếu thì đề nghị Nhà nước hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Đối với người lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần theo điểm đ khoản 1 mục II Thông tư này thì doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm lập danh sách và làm thủ tục để cơ quan Bảo hiểm xã hội tiếp tục thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội (nếu chưa cấp sổ) theo quy định và chuyển danh sách cùng hồ sơ của người lao động mà doanh nghiệp

đang quản lý cho Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty cổ phần;

đ) Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ về bảo hiểm xã hội đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội và thanh toán các khoản nợ với người lao động trước khi chuyển sang công ty cổ phần.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp:

a) Chỉ đạo Giám đốc doanh nghiệp phối hợp với Ban chấp hành công đoàn doanh nghiệp thực hiện chia Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi cho người lao động theo quy định;

b) Chỉ đạo Tổ giúp việc xây dựng phương án sử dụng lao động, xác định số lao động cần thiết theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh, xác định số lao động không bố trí được việc làm, số lao động chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, đưa ra Đại hội công nhân viên chức hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức doanh nghiệp lấy ý kiến, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giải quyết các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày

giải quyết xong các chính sách đối với người lao động, Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần cho các cơ quan có thẩm quyền (mẫu số 3 đính kèm Thông tư này). Báo cáo làm thành 8 bản gửi: Cơ quan phê duyệt phương án cổ phần hóa; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp; Công đoàn ngành Trung ương (nếu có); Cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội; một bản lưu tại công ty cổ phần.

2. Cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và các quy định tại Thông tư này.

3. Hội đồng quản trị, người sử dụng lao động của công ty cổ phần có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận số lao động quy định tại điểm đ khoản 1 mục II Thông tư này và toàn bộ hồ sơ có liên quan của người lao động chuyển sang;

b) Tiếp tục thực hiện những cam kết trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao

động tập thể đã được ký kết trước đó với người lao động theo quy định của pháp luật;

c) Trả trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển sang khi người lao động đó mất việc làm, thôi việc tại công ty cổ phần, kể cả khoản trợ cấp cho thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trước đó và thời gian người lao động làm việc tại công ty, đơn vị khác thuộc khu vực nhà nước nhưng chuyển đến công ty 100% vốn nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa nhận trợ cấp thôi việc, mất việc làm;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động do công ty cổ phần tuyển dụng mới.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng quyết định thành lập có trách nhiệm phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, công đoàn ngành Trung ương hướng dẫn,

theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những quy định của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP, và các văn bản pháp luật có liên quan đối với người lao động; tổng hợp tình hình và báo cáo về Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp (Văn phòng Chính phủ), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2005/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Ngân

Mẫu số 1

*ban hành kèm theo Thông tư số 20/2007/TT-BLĐTBXH
ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM
CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay
		Nam	Nữ						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trần Văn A	1954		Giám đốc	Đại học kinh tế	K	9/1976	31
2	Chu Thị B		1963	Quản đốc	TC may	A	4/1992	24
3	Lê Văn C	1957	
4	Đình Văn D	1982	
...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng.... năm 20.....
GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 1:

- Cột 4: Nếu là viên chức thì ghi trình độ đào tạo và ngành chuyên môn; nếu là công nhân thì ghi nghề và bậc thợ;

- Cột 5: Nếu thuộc chức danh không phải ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) ghi ký hiệu là (K); HĐLĐ không xác định thời hạn được ghi ký hiệu (A); HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng ghi ký hiệu là (B); HĐLĐ dưới 03 tháng hoặc bằng miệng được ghi ký hiệu (C); tuyển dụng theo chế độ biên chế nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động được ghi ký hiệu (D);

- Cột 6: Ghi tháng, năm được tuyển dụng vào doanh nghiệp;

- Cột 8: Ghi cụ thể địa phương (từ số nhà trở lên), điện thoại (nếu có).

Mẫu số 2

ban hành kèm theo Thông tư số 20/2007/TT-BLĐTBXH
ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.		
	- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch công ty, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng)		
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn		
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng		
	- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng		
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp		
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành		
	- Theo Nghị định số 152/2006/NĐ-CP		
	- Theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP		
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:		
	- Hết hạn hợp đồng lao động		
	- Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động		
	- Lý do theo quy định của pháp luật		

09635064

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
3	Lao động chờ nghỉ việc theo quyết định của Giám đốc		
4	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, chia ra:		
	- Số lao động thực hiện theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP		
	- Số lao động thực hiện theo Bộ luật lao động		
III	Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần		
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn		
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:		
	- Ốm đau		
	- Thai sản		
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động, chia ra:		
	- Nghĩa vụ quân sự		
	- Nghĩa vụ công dân khác		
	- Bị tạm giam, tạm giữ		
	- Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm 20....
GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3

ban hành kèm theo Thông tư số 20/2007/TT-BLĐTBXH
ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
BCĐ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP
(TÊN DOANH NGHIỆP)

BÁO CÁO CHỈ TIÊU TỔNG HỢP CỔ PHẦN HÓA
DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Đồng		
	a) Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước	%		
	b) Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động	%		
	c) Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp	%		
2	Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Đồng		
3	Tổng số cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp	Cổ phần		
	a) Tổng giá trị được ưu đãi	Đồng		
	b) Tỷ trọng so với tổng vốn nhà nước	%		
4	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	Người		
	a) Số lao động sẽ chuyển sang công ty cổ phần	Người		
	b) Số lao động không bố trí được việc làm	Người		
	c) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động	Người		

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Ghi chú
5	Kinh phí chi trả cho lao động dôi dư	Đồng		
	a) Từ nguồn của doanh nghiệp	Đồng		
	b) Từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Đồng		
6	Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo Bộ luật lao động	Đồng		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm 20.....
TM. BAN CHỈ ĐẠO
CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)